TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 09/9/2020
V/v ly hôn giữa anh B và chị T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Thanh Toàn, ông Đinh Quốc Hội

- Thư ký phiên toà: ông Cao Lương Bằng –Thư ký Tòa án

***- Đại diện VKSND huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa*:** bà Đinh Thị Thanh Nga – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Đinh Hữu B; sinh năm 1990
Địa chỉ: thôn Y, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: chị Cao Thị Lệ T; sinh năm 1992

Địa chỉ: bản L, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2020 và trong bản tự khai cũng như quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đinh Hữu B trình bày:

- về hôn nhân: anh và chị T quen biết, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó thì xảy ra mẫu thuẫn, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, không hợp tính tình, đời sống chung không thể kéo dài. Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2017. Hiện tại anh cũng không còn tình cảm vợ chồng với chị T nữa. Nhận thấy cuộc sống

vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị T.

- con chung của vợ chồng: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Cao Thị Lệ T không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý của Tòa án, cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chị T không đến Tòa án để giải quyết vụ án thể hiện thái độ không hợp tác với Tòa án nên căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngày 07/8/2020, Tòa án xác minh việc vắng mặt của chị T tại UBND xã Hóa Sơn.

Tại phiên tòa:

Bị đơn chị T trình bày: do chị công tác ở xa không về được theo các giấy triệu tập của Tòa án nên các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chị không về được, mong Tòa án thông cảm. Về quan hệ hôn nhân: chị T đồng ý như đơn khởi kiện của anh B, chị nhất trí ly hôn vì hai vợ chồng cũng đã ly thân từ năm 2017, tình cảm vợ chồng đến nay không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được; con chung và tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên toà Hội đồng xét xử, thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 68, 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn mặc dù các lần triệu tập của Tòa án không đến nhưng tại phiên tòa hôm nay có mặt và cũng trình bày lý do vắng mặt nên bị đơn cũng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- về nội dung: về hôn nhân cho ly hôn giữa anh Đinh Hữu B và chị Cao Thị Lệ T; về con chung: không có nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét. Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: anh Đinh Hữu B yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Cao Thị Lệ T, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa. Nguyên đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, bị đơn đồng ý xét xử vắng mặt nguyên đơn, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: anh B và chị T kết hôn với nhau vào năm 2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc và được UBND xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của anh B: vợ chồng anh B và chị T không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau nữa thể hiện qua bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống và cũng đã sống ly thân từ năm 2017. Tòa án xét thấy tình trạng hôn nhân của anh B và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh B là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và các khoản vay nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh B phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Đinh Hữu B và chị Cao Thị Lệ T.

2. Về con chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: anh Đinh Hữu B phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0004235 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

5. Quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/9/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- THADS huyện Minh Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Hóa Sơn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Đức Cảnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THÂM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**